

Số: 03/BC-TTĐ

Bình Phước, ngày 26 tháng 10 năm 2023

BÁO CÁO THẨM ĐỊNH
Về dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu Gói thầu:
Mua hóa chất phục vụ công tác xét nghiệm

Kính gửi: Sở Y tế

Căn cứ Luật Đấu thầu số 43 ngày 26/11/2013;

Căn cứ Nghị định số 63/2014/NĐ-CP, ngày 26 tháng 6 năm 2014 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Nghị định số 07/2023/NĐ-CP ngày 03/3/2023 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 98/2021/NĐ-CP ngày 08/11/2021 của Chính phủ về quản lý trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 58/2016/TT-BTC, ngày 29/3/2016 của Bộ Tài chính quy định chi tiết việc sử dụng vốn nhà nước để mua sắm nhằm duy trì hoạt động thường xuyên của cơ quan nhà nước, đơn vị thuộc lực lượng vũ trang nhân dân, đơn vị sự nghiệp công lập, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, tổ chức xã hội, tổ chức xã hội - nghề nghiệp;

Thông tư số 68/2016/TT-BTC ngày 11/11/2022 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của thông tư số 58/2016/TT-BTC ngày 29/3/2016;

Căn cứ Thông tư số 10/2015/TT-BKHĐT, ngày 26/10/2015 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư về việc quy định chi tiết về kế hoạch lựa chọn nhà thầu;

Căn cứ Nghị Quyết số 30/NQ-CP ngày 04/3/2023 của Chính Phủ về việc tiếp tục thực hiện các giải pháp bảo đảm thuốc, trang thiết bị y tế;

Căn cứ Thông tư số 08/2022/TT-BKHĐT ngày 31 tháng 5 năm 2022 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư quy định chi tiết việc cung cấp, đăng tải thông tin về đấu thầu và lựa chọn nhà thầu trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia;

Căn cứ Thông tư số 14/2023/TT-BYT ngày 30/06/2023 của Bộ Y tế quy định trình tự, thủ tục xây dựng giá gói thầu mua sắm hàng hóa và cung cấp dịch vụ thuộc lĩnh vực trang thiết bị y tế tại các cơ sở y tế công lập;

Căn cứ Nghị quyết số 06/2020/NQ-HĐND ngày 13 tháng 7 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước về việc sửa đổi một số Điều của Quy định phân cấp thẩm quyền quyết định trong việc quản lý, sử dụng tài sản công tại các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc phạm vi quản lý trên địa bàn tỉnh Bình Phước ban



hành kèm theo Nghị quyết số 07/2018/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 18/5/2023 của UBND tỉnh quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Y tế tỉnh Bình Phước;

Căn cứ Quyết định số 586/QĐ-SYT ngày 25/10/2023 của Sở Y tế về việc thành lập Tổ thẩm định Kế hoạch lựa chọn nhà thầu các gói thầu mua hóa chất, vật tư y tế cho các cơ sở Y tế công lập trên địa bàn tỉnh Bình Phước,

Trên cơ sở Tờ trình số 1260/TTr-BVĐK ngày 23/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua hóa chất phục vụ công tác xét nghiệm; các tài liệu liên quan được cung cấp, Tổ thẩm định tiến hành thẩm định kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hóa chất phục vụ công tác xét nghiệm; từ ngày 23/10/2023 đến ngày 26/10/2023 và báo cáo kết quả thẩm định như sau:

I. THÔNG TIN CƠ BẢN

1. Khái quát về gói thầu:

a) Tên gói thầu: Mua hóa chất phục vụ công tác xét nghiệm.

b) Tổng dự toán: **989.504.966 đồng** (Bằng chữ: Chín trăm tám mươi chín triệu, năm trăm lẻ bốn ngàn, chín trăm sáu mươi sáu đồng).

Trong đó:

Chi phí mua sắm hàng hóa: 989.504.966 đồng

c) Nguồn vốn gói thầu: Nguồn thu từ phí, lệ phí; nguồn quỹ bảo hiểm y tế, và nguồn thu hợp pháp khác.

d) Tên Chủ đầu tư, bên mời thầu: Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước.

đ) Thời gian thực hiện gói thầu: Quý IV năm 2023.

e) Địa điểm và quy mô:

- Địa điểm: Bệnh viện đa khoa tỉnh Bình Phước, Quốc lộ 14, phường Tiến Thành, TP. Đồng Xoài, tỉnh Bình Phước.

- Quy mô: Gồm 36 mặt hàng. Tổng giá trị dự toán: 989.504.966 đồng (cụ thể như Phụ lục đính kèm).

2. Tóm tắt nội dung văn bản trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

Tổ Thẩm định tóm tắt các nội dung theo Tờ trình của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước, cụ thể như sau:

a) Tổng giá trị phần công việc đã thực hiện: Không.

b) Tổng giá trị phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: Không.

c) Tổng giá trị phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: 989.504.966 đồng.

d) Tổng giá trị phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): Không.

đ) Tổng giá trị các phần công việc: 989.504.966 đồng.

e) Tổng mức đầu tư của dự toán: 989.504.966 đồng.

3. Tổ chức thẩm định

Tổ Thẩm định làm việc theo nhóm. Trong trường hợp có một hoặc một số thành viên có ý kiến thẩm định khác biệt với đa số thành viên còn lại, Tổ thẩm định sẽ kiểm tra tập trung vào vấn đề được đưa ra và cùng phân tích, đánh giá để đưa ra kết luận cuối cùng; nếu đã làm các bước mà vẫn không đưa ra được ý kiến thống nhất thì ý kiến khác biệt trên sẽ được đưa cụ thể vào biên bản họp và báo cáo thẩm định, kết luận cuối cùng do tổ trưởng quyết định và chịu trách nhiệm về quyết định đó.

II. TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH

1. Căn cứ pháp lý để lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Tổng hợp kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý:

Kết quả thẩm định về căn cứ pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu được tổng hợp theo **Bảng số 1** dưới đây:

STT	Nội dung kiểm tra	Kết quả thẩm định	
		Có	Không
1	Biên bản họp số 205/BB-HĐKH ngày 07/6/2023 của Hội đồng khoa học Bệnh viện đa khoa tỉnh.	X	
2	Công văn số 759/BVĐK-KD ngày 27/6/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh về việc xin chủ trương mua sắm hóa chất xét nghiệm.	X	
3	Công văn số 2416/SYT-NV ngày 28/6/2023 của Sở Y tế thuận chủ trương Mua hoá chất xét nghiệm.	X	
4	Thông báo chào giá số 845/BVĐK-KD ngày 18/7/2023 của Bệnh viện đa khoa tỉnh đăng trên cổng thông tin điện tử (website Bệnh viện benhvientinh.binhphuoc.gov.vn).	X	
5	Biên bản nhận báo giá của Bệnh viện đa khoa tỉnh ngày 21/7/2023.	X	

6	Biên bản họp số 325/BB-HĐKH ngày 02/8/2023 của Hội đồng khoa học Bệnh viện đa khoa tỉnh	X	
7	Công văn 09/CV-TTĐ ngày 13/10/2023 của Tổ Thẩm định – Sở Y tế Bình Phước về việc Ý kiến của Tổ thẩm định về nội dung Tờ trình số 996/TTr-BVĐK, Tờ trình số 1064/TTr-BVĐK, Tờ trình số 1184/TTr-BVĐK của Bệnh viện đa khoa tỉnh	X	
8	Biên bản họp số 1247/BB-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc thống nhất giá gói thầu: Mua hoá chất phục vụ công tác xét nghiệm.	X	
9	Quyết định số 821/QĐ-BVĐK ngày 19/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước về việc Phê duyệt Danh mục và giá dự toán dự kiến gói thầu: Mua hoá chất phục vụ công tác xét nghiệm	X	
10	Báo cáo số 518/BC-BMT ngày 19/10/2023 của Bên mời thầu về việc trình duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hoá chất phục vụ công tác xét nghiệm	X	
11	Tờ trình số 1260/TTr-BVĐK ngày 23/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh về việc Phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu: Mua hoá chất phục vụ công tác xét nghiệm.	X	
12	Bảng báo giá của các công ty: 1. Công ty trách nhiệm hữu hạn thiết bị Minh Tâm. 2. Công ty trách nhiệm hữu hạn thương mại dịch vụ Chương Nhân.	X	

b) Ý kiến thẩm định về căn cứ pháp lý: Căn cứ các tài liệu Chủ đầu tư và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 1**, tổ thẩm định xét thấy về cơ sở pháp lý của việc lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu Chủ đầu tư tuân thủ pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan.

2. Phân chia dự toán thành các gói thầu: Không phân chia gói thầu: Do mỗi loại vật tư y tế là một phần riêng biệt của gói thầu nên giá dự toán gói thầu là tổng giá trị của các phần đó.

Tổ thẩm định xét thấy về cơ sở pháp lý của việc phân chia gói thầu, Chủ đầu tư tuân thủ pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan.

3. Nội dung tờ trình phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

a) Phân công việc không thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu:

- Phân công việc đã thực hiện: Không

- Phần công việc không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu: Không.

- Phần công việc chưa đủ điều kiện lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu (nếu có): Không.

b) Phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Chủ đầu tư tuân thủ pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan.

Tổ chức thẩm định kiểm tra và có ý kiến về kế hoạch lựa chọn nhà thầu đối với các nội dung theo **Bảng số 2** dưới đây:

Bảng số 2

TỔNG HỢP KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH NỘI DUNG KẾ HOẠCH LỰA CHỌN NHÀ THẦU			
STT	Nội dung thẩm định	Kết quả thẩm định	
		Tuân thủ, phù hợp	Không tuân thủ hoặc không phù hợp
1	Tên gói thầu: Mua hoá chất phục vụ công tác xét nghiệm.	X	
2	Giá gói thầu: 989.504.966 đồng	X	
3	Nguồn vốn: Nguồn thu từ phí, lệ phí; nguồn quỹ bảo hiểm y tế, và nguồn thu hợp pháp khác	X	
4	4.1 Hình thức lựa chọn nhà thầu: Chào hàng cạnh tranh trong nước qua mạng 4.2 Phương thức lựa chọn nhà thầu: Một giai đoạn, một túi hồ sơ	X	
5	Thời gian bắt đầu tổ chức lựa chọn nhà thầu: Quý IV năm 2023	X	
6	Loại hợp đồng: Trọn gói	X	
7	Thời gian thực hiện hợp đồng: 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.	X	

- Ý kiến thẩm định về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Căn cứ tài liệu do Chủ đầu tư trình duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và kết quả thẩm định được tổng hợp tại **Bảng số 2**, Tổ Thẩm định nhận thấy về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu, Chủ đầu tư tuân thủ pháp luật về đấu thầu, pháp luật liên quan.

c) Ý kiến thẩm định về tổng giá trị của các phần công việc: Tổng giá trị của phần công việc đã thực hiện, phần công việc chưa thực hiện mà không áp dụng được một trong các hình thức lựa chọn nhà thầu, phần công việc thuộc kế hoạch lựa chọn nhà thầu bằng tổng mức đầu tư.

III. NHẬN XÉT VÀ KIẾN NGHỊ

1. Nhận xét về nội dung kế hoạch lựa chọn nhà thầu

Trên cơ sở tổng hợp kết quả thẩm định theo từng nội dung nêu trên, Tổ Thẩm định thống nhất với đề nghị của Chủ đầu tư về kế hoạch lựa chọn nhà thầu.

2. Kiến nghị

Trên cơ sở Tờ trình số 1260/TTr-BVĐK ngày 23/10/2023 của Bệnh viện Đa khoa tỉnh Bình Phước về việc phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua hoá chất phục vụ công tác xét nghiệm và kết quả thẩm định phân tích trên. Tổ thẩm định đề nghị Sở Y tế phê duyệt dự toán và kế hoạch lựa chọn nhà thầu, gói thầu: Mua hoá chất phục vụ công tác xét nghiệm.

Nơi nhận:

- Như trên;
- GD, các PGĐ Sở Y tế;
- Tổ thẩm định;
- BVĐK tỉnh;
- Lưu VT, NV. (Duy 25 T10).

TM. TỔ THẨM ĐỊNH
TỔ TRƯỞNG



PHÓ GIÁM ĐỐC SỞ Y TẾ
Văn Thanh Bình

Phụ lục kèm theo Báo cáo thẩm định số: 03 /BC-TTĐ ngày 26/10/2023

STT	Tên hàng hóa hoặc tương đương	Thông số kỹ thuật hoặc tương đương	Quy cách đóng gói tham khảo	Đơn vị tính	Giá kế hoạch	Số lượng	Thành tiền
1	HÓA CHẤT ,VẬT TƯ PHÙ HỢP MÁY SINH HÓA TỰ ĐỘNG AU 680 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG						
1	Hóa chất định lượng ALT /SGPT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng ALT	Hộp/4x50ml+4x25ml	Hộp	3.767.232	6	22.603.392
2	Hóa chất định lượng AST/SGOT	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng AST	Hộp/4x25ml+4x25ml	Hộp	3.755.115	7	26.285.805
3	Hoá chất định lượng Bilirubin trực tiếp	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin trực tiếp	Hộp/4x20ml+4x20ml	Hộp	8.061.480	1	8.061.480
4	Hóa chất định lượng Bilirubin toàn phần	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng bilirubin toàn phần	Hộp/4x40ml+4x40ml	Hộp	7.029.540	1	7.029.540
5	Hóa chất định lượng Glucose	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng glucose	Hộp/4x53ml+4x27ml	Hộp	5.352.627	7	37.468.389
6	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine.	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng creatinine. Thành phần: Natri hiđroxit; Axit picric .	Hộp/4x51ml+4x51ml	Hộp	2.425.500	8	19.404.000
7	Hóa chất định lượng Urea	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng urê	Hộp/4x53ml+4x53ml	Hộp	7.230.195	5	36.150.975

8	Hóa chất hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Huyết thanh hiệu chuẩn cho các xét nghiệm sinh hoá thường quy	Lọ/5ml	Lọ	584.325	10	5.843.250
9	Hóa chất kiểm chứng mức 1 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 1	Lọ/5ml	Lọ	633.927	20	12.678.540
10	Hóa chất kiểm chứng mức 2 cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy	Chất kiểm chứng cho các xét nghiệm sinh hóa thường quy mức 2.	Lọ/5ml	Lọ	637.245	20	12.744.900
11	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa	Dung dịch rửa hệ thống máy sinh hóa.	Bình/5 lít	Bình	3.828.972	12	45.947.664
12	Hóa chất định lượng GGT (Gama Glutamyl Transferase)	Hóa chất dùng cho xét nghiệm định lượng GGT	Hộp/4x40ml+4x40ml	Hộp	5.343.807	2	10.687.614
13	Dung dịch rửa hệ thống	Dung dịch rửa. Thành phần: Hypochlorite	Bình/450ml	Bình	635.040	1	635.040
14	Chất chuẩn huyết thanh mức cao cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức cao được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na ⁺), kali (K ⁺) và clorua (Cl ⁻) trong huyết thanh, huyết tương và nước tiểu người.	Hộp/ 4 bình x100ml	Bình	925.533	4	3.702.132

15	Chất chuẩn huyết thanh mức thấp cho xét nghiệm điện giải	Chất hiệu chuẩn mức thấp được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ natri (Na ⁺), kali (K ⁺) và clorua (Cl ⁻) trong huyết thanh, huyết tương.	Hộp/ 4 bình x100ml	Bình	1.112.139	8	8.897.112
16	Dung dịch chạy mẫu điện giải	Dung dịch đệm được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻	Hộp/ 4 bình x2000ml	Bình	1.501.878	8	12.015.024
17	Dung dịch chuẩn điện giải mức giữa	Chất hiệu chuẩn mức trung bình được sử dụng để định lượng (gián tiếp) nồng độ Na ⁺ , K ⁺ và Cl ⁻	Hộp/4 bình x2000ml	Bình	1.943.970	8	15.551.760
II	HÓA CHẤT ,VẬT TƯ PHÙ HỢP MÁY MIỄN DỊCH TỰ ĐỘNG DXI 800 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG						
18	Giếng phản ứng cho dòng máy DxI	Chất liệu: Polypropylene; thể tích tối đa 1mL	Túi 1000 cái	Túi	1.994.412	20	39.888.240
19	Nước rửa hệ thống đường ống thường ngày	Dung dịch rửa dùng cho dòng máy DxI	Hộp/ 10L	Hộp	2.126.712	30	63.801.360
20	Cơ chất phát quang	Cơ chất phát quang	Hộp/4x130mL	Hộp	10.966.557	7	76.765.899
21	Hoá chất định lượng Troponin 1 hs	Hoá chất định lượng Troponin 1 hs	Hộp/2x50test	Hộp	7.166.250	8	57.330.000



22	Hoá chất chuẩn Troponin 1 hs	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng cTnI siêu nhạy	Hộp/ 3x1.5mL+4x1mL	Hộp	2.436.525	2	4.873.050
23	Dung dịch rửa máy kiềm	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Bình/ 1L	Bình	3.321.822	1	3.321.822
24	Dung dịch rửa máy Acid	Dung dịch rửa máy hàng ngày	Bình/3,8 lít	Bình	5.931.450	1	5.931.450
25	Hóa chất định lượng AFP	Hóa chất định lượng AFP	Hộp/2x50test	Hộp	4.983.300	2	9.966.600
26	Hóa chất chuẩn AFP	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng AFP	Hộp/7x2.5mL	Hộp	3.321.822	1	3.321.822
27	Định lượng PCT	Hóa chất định lượng procalcitonin	Hộp/2x50test	Hộp	18.281.655	3	54.844.965
28	Chất chuẩn PCT	Chất chuẩn của xét nghiệm định lượng procalcitonin	Hộp/7x2ml	Hộp	10.168.347	1	10.168.347
III	HÓA CHẤT PHÙ HỢP VỚI MÁY THỬ NƯỚC TIỂU UREADER PLUS-2 HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG						
29	Hộp que thử xét nghiệm tổng phân tích nước tiểu 11 thông số	Sử dụng trong phân tích nước tiểu bán định lượng. Được sử dụng cho xác định nhanh Bilirubin, Urobilinogen, Ketones (Acetoacetic acid), Ascorbic acid, Glucose, Protein (albumin), máu, pH, Nitrite, Leukocytes và trọng lượng riêng nước tiểu	Hộp/150 que	Hộp	771.750	25	19.293.750

IV	HÓA CHẤT PHÙ HỢP MÁY HbA1C ARKRAY HOẶC TƯƠNG ĐƯƠNG (SẮC KHÍ LỎNG CAO ÁP)						
30	Dung dịch rửa đáy Hemoglobin A	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần	Hộp/600mlx4	ml	6.250	8 hộp (19.200 ml)	120.000.000
31	Dung dịch rửa đáy Hemoglobin B	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ ≤ 3.0%, Phosphate nồng độ ≤ 2.0%...	Hộp 600 mlx2	ml	5.833	4 hộp (4.800 ml)	27.998.400
32	Dung dịch rửa đáy các biến thể Hemoglobin	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần Thành phần: Sodium perchlorate nồng độ ≤ 0.3%, Phosphate nồng độ ≤ 2.0%,...	Hộp 600 ml x2	ml	5.500	4 hộp (4.800 ml)	2.640.000
33	Dung dịch pha loãng ly giải máu toàn phần	Dùng để ly giải hồng cầu và làm sạch các đường ống.	Hộp 2000 mlx3 (6 lít)	Lít	3.916.667	42	164.500.014
34	Hóa chất nội kiểm HbA1C trên hệ thống máy sắc ký lỏng cao áp - HPLC	Hóa chất nội kiểm HbA1C trên hệ thống máy sắc ký lỏng cao áp - HPLC	Hộp/ Level 1: 4x 0,25ml + Level 2: 4 x 0.25ml	ml	3.000.000	2	6.000.000
35	Dung dịch pha loãng định lượng trong HbA1c	Thuốc thử định lượng HbA1c trong máu toàn phần	Hộp/250ml x 1+1x15ml	ml	11.142	265	2.952.630



36	Cột sắc ký	Cột sắc ký	Hộp/1 Cột	Hộp	30.200.000	1	30.200.000
TỔNG CỘNG: 36 Khoản							989.504.966